TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 107/2020/DS-PT
Ngày: 26-5-2020
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Anh Tuấn.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hằng, ông Nguyễn Duy Thuấn.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Hoàng Văn Nam - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk*:** Ông Nguyễn Chí Hiếu - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 52/2020/TLPT-DS, ngày 15/01/2020, về việc *"Tranh chấp quyền sử dụng đất"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 39/2019/DS-ST, ngày 28 tháng 11 năm 2019, của Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 93/2020/QĐ-PT ngày 09 tháng 3 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 39/2020/QĐ-PT, ngày 01 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 104/2020/QĐ-PT, ngày 28 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, ông Phạm Xuân T; trú tại: Xã K, huyện P, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H: Ông Võ Ngọc C; trú tại: Thị trấn A, huyện P, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Đoàn Văn T1, bà Lê Thị H1; trú tại: Xã K, huyện P, tỉnh Đắk Lắk; ông T1 vắng mặt; bà H1 có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ UBND huyện P, tỉnh Đắk Lắk;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Xuân L – Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện P; có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ UBND xã K, huyện P, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tiến V – Phó chủ tịch UBND xã K, huyện P, tỉnh Đắk Lắk; có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Ông Võ Văn G, bà Đặng Thị B; trú tại: Thôn C1, xã K, huyện P, tỉnh Đắk Lắk; ông G, bà B đều vắng mặt.

- ***Người kháng cáo:*** Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H, ông Phạm Xuân T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị H, ông Phạm Xuân T trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 186, tờ bản đồ số 23 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 023265, tại xã K, huyện P, tỉnh Đắk Lắk do vợ chồng tôi nhận chuyển nhượng của ông Võ Văn G, bà Đặng Thị B từ ngày 02/4/2018. Thửa đất có tứ cận như sau: Đông giáp đất ông V1, canh dài 15 mét; Tây giáp đường đi, cạnh dài 8 mét; Nam giáp đất của vợ chồng tôi, và đất bà N, cạnh dài 107 mét; Bắc giáp đất T1 H1, cạnh dài 107 mét.

Trước khi ông G, bà B chuyển nhượng cho vợ chồng tôi thì lô đất trên ông G, bà B đã chuyển nhượng cho vợ chồng ông A1, bà H2. Ông A1, bà H2 đã đặt cọc tiền và đã nhận đất và cắm mốc trên thực địa. Tuy nhiên, sau đó ông A1, bà H2 không có nhu cầu nhận chuyển nhượng lô đất trên nữa nên ông G, bà B đã trả lại tiền cọc cho ông A1, bà H2. Khi vợ chồng tôi nhận chuyển nhượng thửa đất trên thì giữa vợ chồng tôi với ông G, bà B có giao đất trên thực địa nhưng không đo đạc mà dùng chân bước áng chừng đất và căn cứ vào mốc giới mà các bên đã cắm trước đó chứ không cắm lại nữa.

Sau khi nhận chuyển nhượng đất thì vợ chồng tôi canh tác bình thường trên thửa đất, tình cờ trong một lần vợ chồng tôi thử bước chiều dài phần phía Đông lô đất của vợ chồng tôi thì thấy đất có vẻ không đúng như diện tích đất được cấp nên vợ chồng tôi đã nhờ chính quyền địa phương đến đo đạc lại và phát hiện đất của chúng tôi bị thiếu diện tích khoảng 300m^2 do ông Đoàn Văn T1, bà Lê Thị H1 lấn chiếm.

Nguyện vọng của vợ chồng tôi hiện nay yêu cầu vợ chồng ông T1, bà H1 có trách nhiệm trả lại cho vợ chồng tôi diện tích đất đã lấn chiếm có diện tích khoảng 300m^2.

***Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị H, ông Võ Ngọc C trình bày*:**

Theo ông C thì thực tế ông T, bà H nhận chuyển nhượng thửa đất trên từ năm 2014, sau khi nhận chuyển nhượng đất thì ông T, bà H canh tác ổn định trên thửa đất trên theo ranh giới mà ông G và bà H2 đã cắm trước đó. Tuy nhiên, do Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của thửa đất trên ông G đang cầm cho người khác nên đến năm 2018, bà B, ông G và bà H, ông T mới làm thủ tục sang nhượng thửa đất trên được. Như vậy, tuy thửa đất trên năm 2018, ông G, bà B mới làm thủ tục sang nhượng cho ông T, bà H. Tuy nhiên, ông T, bà H đã sử dụng từ năm 2014, còn thửa đất của ông T1, bà H1 nhận chuyển nhượng của ông G, bà B năm 2016, nghĩa là ông T, bà H đã nhận chuyển nhượng trước ông T1, bà H1. Do ông T, bà H nhận chuyển nhượng trước còn ông T1, bà H1 nhận chuyển nhượng sau nên ông T1, bà H1 phải chịu trách nhiệm về việc thiếu đất của mình. Nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông T1, bà H1 phải trả cho ông T, bà H 300m^2 đất theo quy định của pháp luật.

***Bị đơn ông Đoàn Văn T1, bà Lê Thị H1 trình bày*:**

Năm 2015, chúng tôi có nhận chuyển nhượng của ông Võ Văn G và bà Đặng Thị B thửa đất số 186A, từ bản đồ số 23, thửa đất trên đã được UBND huyện P, tỉnh Đắk Lắk cấp Giấy CNQSDĐ số CA 628332 cho hộ ông Võ Văn G, bà Đặng Thị B thửa đất có vị trí: Đông giáp đất ông V1, cạnh dài 24 mét;Tây giáp đường liên thôn cạnh dài 19 mét; Nam giáp đất ông G, bà B (nay là đất bà H) cạnh dài 107 mét; Bắc giáp đất ông V1, bà Hồng, cạnh dài 107 mét.

Theo giấy viết tay ban đầu thì ông G, bà B chuyển nhượng cho chúng tôi thửa đất trên có diện tích là 2400m^2. Tuy nhiên, sau khi chúng tôi giao đủ tiền ông G, bà B giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên chúng tôi, thửa đất chỉ còn lại 2370m^2. Khi chúng tôi nhận chuyển nhượng thửa đất trên của ông G, bà B thì trên đất đã có nhà xây và công trình phụ, phía Đông, phía Tây, phía Bắc đã có hàng rào làm ranh giới ngăn cách giữa các thửa đất. Riêng hàng rào phía Nam ông G, bà B đã xây được khoảng 40m tính từ Tây sang Đông, phía chưa có bờ rào thì ông G, bà B chỉ cho ông đến cây cau thứ ba tính từ Bắc sang Nam tính theo hàng rào của nhà ông V1. Do thấy cây cau là cây sống lâu năm nên nghĩ không cần có sự can thiệp của địa phương nữa nên không mời địa phương đến đo đạc lại. Sau khi nhận chuyển nhượng đất vợ chồng ông canh tác ổn định từ năm 2015 đến nay. Trên phần đất nhận chuyển

nhượng vợ chồng ông đã trồng cây ăn trái, phần còn lại trồng cỏ để chăn nuôi bò. Trên phần đất của gia đình ông có cái cọc bê tông là do, khoảng năm 2015, hay 2016 ông không nhớ cụ thể, bà B, ông G sang nhượng thửa đất 186 cho bà Đặng Thị H2. Sau đó, bà H2 tự đóng lên phần đất của vợ chồng ông một cọc bê tông, khi bà H2 đóng cọc lên đất của vợ chồng ông thì gia đình ông không chứng kiến. Sau đó, phát hiện ra vợ chồng chúng tôi có yêu cầu bà H2 dỡ cọc thì bà H2 bảo rằng: *"hiện tại đất cháu chưa có bìa nên chú mợ cứ cho cháu trồng tạm lên đó, khi nào cháu lấy được bìa về thì cháu mời địa chính xã về đo đạc xác định ranh giới cắm cọc luôn một thể"*. Vì vậy, vợ chồng ông không buộc bà H2 tháo dỡ cọc nữa. Sau một thời gian không rõ lý do gì mà bà H2 không nhận chuyển nhượng đất của ông G, bà B nên ông G, bà B mới chuyển nhượng thửa đất đó cho ông T, bà H. Nay ông T, bà H cho rằng vợ chồng tôi lấn chiếm 300m^2 của bà H thì đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định để giải quyết vụ án.

***Người làm chứng ông Võ Văn G trình bày*:**

Nguyên thửa đất có diện tích 2370m^2 thuộc thửa số 186A, tờ bản đồ số 23, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 628332 trước đây là của ông và bà B. Trong quá trình sử dụng vợ chồng ông đã xây dựng nhà, và công trình phụ và chuồng heo, các phía Đông, Tây, Bắc đã có hàng rào phân định rõ với các hộ liền kề. Riêng hàng rào phía Nam vợ chồng ông đã xây được 1 đoạn có chiều dài khoảng 40 mét phần còn lại chưa có hàng rào. Thửa đất trên có vị trí như sau:

Năm 2015, vợ chồng ông chuyển nhượng thửa đất trên cho ông Đoàn Văn T1, bà Lê Thị H1. Thời điểm đó vợ chồng ông chuyển nguyên thửa đất theo bìa đỏ chứ không đo đạc trên thực địa nên không biết chiều dài các cạnh là bao nhiêu.

Sau khi ông T1, bà H1 thanh toán đủ tiền thì vợ chồng ông giao GCNQSDĐ cho ông T1, bà H1 sử dụng từ năm 2015 đến nay không có tranh chấp gì với nhau cả.

Đối với thửa đất số 186, tờ bản đồ số 23, theo GCNQSDĐ số BR 023265 nguyên trước đây của vợ chồng ông. Năm 2018, vợ chồng ông chuyển nhượng thửa đất trên cho bà Nguyễn Thị H, ông Phạm Xuân T. Thửa đất mà vợ chồng ông chuyển nhượng cho ông T, bà H có vị trí như sau: Đông giáp đất ông V1, cạnh dài 15 mét; Tây giáp đường đi cạnh dài 8 mét; Nam giáp đất của bà H và đất bà N, cạnh dài khoảng 90 mét; Bắc giáp đất ông T1, bà H1 (thửa 186A) cạnh dài khoảng 90 mét.

Sau khi bà H, ông T giao đủ tiền thì vợ chồng ông đã bàn giao đất trên thực địa cho ông T, bà H. Việc giao đất này hai bên không mời chính quyền địa phương chứng kiến cũng không đo đạc mà vợ chồng ông có đến chỉ ranh giới cho bà H theo ranh giới mà trước đây ông và bà H2 đã cắm.

Nay bà H, ông T khởi kiện bà T1, ông H1 lấn chiếm 300m^2 thì đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết. Bà Đặng Thị B thống nhất với lời trình bày của ông G và không bổ sung gì thêm.

Người làm chứng bà Đặng Thị H2 trình bày:

Khoảng năm 2015 - 2016 bà H2 có thỏa thuận nhận chuyển nhượng thửa đất số 186 tờ bản đồ số 23 của ông G, bà B với số tiền 200.000.000đ. Bà đã đặt cọc cho ông G, bà B được 70.000.000đ. Sau khi nhận tiền cọc thì ông G đã trực tiếp đến thực địa giao đất cho bà H2. Sau khi nhận đất bà H2 có cắm một số trụ bê tông lên phần đất theo mốc mà ông Võ Văn G chỉ: Cụ thể:

Phía Tây giáp đường liên thôn bà H2 đóng một trụ sắt cách đất (hàng rào) nhà ông T1 40cm; tại đoạn giữa thửa đất, cách đường liên thôn khoảng 50m tính từ Tây sang Đông, bà trồng 1 trụ bê tông; Phía Đông giáp đất ông V1 bà trồng 1 trụ bê tông cách mép đất bà H (thửa 201) sang 15m. Khi tôi thực hiện việc cắm mốc này thì không có sự chứng kiến của ông T1, bà H1. Sau khi phát hiện ra ông T1 có bảo bà đã đóng cọc lên đất ông T1 nên bà có bảo với ông T1:*" hiện tại đất cháu chưa có bìa nên chú mợ cứ cho cháu trồng tạm mấy cọc lên đó, khi nào cháu lấy được bìa về thì cháu mời địa chính xã về đo đạc xác định ranh giới cắm cọc luôn một thể".* Sau khi bà nói vậy thì ông T1 không buộc bà tháo dỡ cọc nữa. Sau một thời gian do bà B không làm được bìa đỏ cho bà nên bà không nhận chuyển nhượng thửa đất đó nữa. Bà B chuyển nhượng thửa đất đó cho ông T, bà H và trả lại tiền cọc cho bà. Sau khi bà nhận lại tiền cọc thì bà cũng không tháo dỡ mấy trụ bê tông đã đóng trước đó. Vì vậy, hiện tại trên phần đất đang tranh chấp giữa bà H, ông T với bà H1, ông T1 vẫn còn trụ bê tông do bà đóng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 39/2019/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 165, Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 175 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 12, Điều 166, Điều 170, Điều 202, Điều 203 của Luật đất đai năm 2013;

Căn cứ Điều 2 Luật người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Xuân T và bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu ông Đoàn Văn T1, bà Lê Thị H1 trả 300m^2 đất, có tứ cận như sau: Phía

Tây giáp đường đi, cạnh dài 1 mét; Phía Đông giáp đất ông V1, cạnh dài 5 mét; Phía Bắc giáp đất ông T1, cạnh dài 107 mét; Phía Nam giáp đất bà H, ông T và đất bà N, cạnh dài 107 mét.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên chi phí tố tụng, về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 09/12/2019, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H, ông Phạm Xuân T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm đề nghị cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm để chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn hoặc hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên đơn khởi kiện và nội dung đơn kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đánh giá các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308, khoản 1 Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H, ông Phạm Xuân T - Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số: 39/2019/DS-ST, ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk. Và giao hồ sơ vụ án về cho Tòa án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị H, ông Phạm Xuân T nộp nằm trong thời hạn luật định và thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm nên vụ án được xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét về nguồn gốc sử dụng đất của các bên: Nguồn gốc 02 thửa đất hiện nay các bên đang tranh chấp là do các bên đều nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông G, bà B. Đối với diện tích đất ông T, bà H nhận chuyển nhượng đất của ông G, bà B thì trước đây ông G, bà B đã thỏa thuận chuyển nhượng cho bà H2. Bà H2 đã đặt cọc tiền để nhận sang nhượng quyền sử dụng đất, các bên đã được giao đất trên thực địa và đã cắm móc nhưng sau đó bà H2 không nhận chuyển nhượng nữa nên vợ

chồng ông G, bà B chuyển nhượng lại nguyên hiện trạng phần đất này cho vợ chồng ông T, bà H. Mặt khác, theo GCNQSDĐ của các bên tranh chấp thì các cạnh của hai thửa đất đều là đường thẳng nhưng theo hiện trạng sử dụng đất là đường công. Nhưng quá trình điều tra, cấp sơ thẩm chưa xem xét, đánh giá, xác minh làm rõ cột móc bà H2 cắm (Hiện nay vẫn còn cột bê tông nằm trên diện tích đất gia đình bị đơn đang sử dụng). Bản án sơ thẩm chỉ căn cứ vào kết quả đo đạc hiện trạng diện tích đất của các bên đều thiếu so với GCNQSDĐ để từ đó bác đơn khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm có ký hợp đồng đo đạc với công ty TNHH Đo đạc – Tư vấn H3 để tiến hành đo đạc. Tuy nhiên, khi đo đạc lại chỉ tiến hành đo đạc hiện trạng đất mà các bên đang sử dụng mà không đo đạc phần diện tích đất tranh chấp theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không đo đạc phần diện tích đất mà bà H2 đã cắm móc khi nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông G, bà B (Đã được thể hiện tại biên bản làm việc của cấp phúc thẩm với công ty đo đạc). Như vậy, quá trình thu thập chứng cứ cấp sơ thẩm chưa làm rõ diện tích đất tranh chấp là vị trí nào? Theo đơn khởi kiện là 300m^2 nhưng trên thực tế đo đạc thì diện tích đất tranh chấp là bao nhiêu? Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ bị đơn có hay không có hành vi lấn chiếm và diện tích đất lấn chiếm là bao nhiêu để từ đó có căn cứ để giải quyết vụ án.

Từ những phân tích, nhận định nêu trên HĐXX xét thấy: Việc thu thập chứng cứ và chứng minh của cấp sơ thẩm chưa được thực hiện đầy đủ mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được. Do đó, cần chấp nhận đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị H, ông Phạm Xuân T và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh ĐắkLắk tại phiên tòa. Hội đồng xét xử cần áp dụng khoản 3 Điều 308; khoản 1 Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 39/2019/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2019, của Toà án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk và chuyển hồ sơ vụ án về cho cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tuc sơ thẩm.

[3] Về các chi chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm: Nghĩa vụ chịu án phí DSST và chi phí thẩm định, định giá và đo đạc được xác định lại khi giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do hủy bản án sơ thẩm nên người kháng cáo bà Nguyễn Thị H, ông Phạm Xuân T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 3 Điều 308, khoản 1 Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị H, ông Phạm Xuân T: Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số: 39/2019/DS-ST ngày 28 tháng 11 năm 2019, của Toà án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk. Và chuyển hồ sơ vụ án cho Toà án nhân dân huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Về các chi chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm: Nghĩa vụ chịu án phí DSST và chi phí thẩm định, định giá và đo đạc được xác định lại khi giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị H, ông Phạm Xuân T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND H. Krông Pắc;
- VKSND H. Krông Pắc;
- CCTHADS H. P;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Trần Anh Tuấn